

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 83/2018/HSST

Ngày: 08/6/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Tuyết.

2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Hoàng H. Sinh năm 1982 tại Cần Thơ; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 5/1 Khu vực 6, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 12, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: thợ sửa ô tô; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Kim H; bị cáo có vợ là Trần Thị X và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: sinh ra và lớn lên tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, đi học đến lớp 8 thì nghỉ học. Tháng 7 năm 2017, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 18 tháng 10 năm 2017, ra đầu thú, bị khởi tố và bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

** Người bị hại:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H; địa chỉ: 14-16-18-20 đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Đắc Thùy D, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hồ Ngọc P, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 6, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Chị Trần Thị X, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 12, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Trịnh Vinh Q, sinh năm 1978; địa chỉ: 47 đường P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1962; địa chỉ: 5/1 Khu vực 6, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đắc Quốc D, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Phan Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: 974 đường P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trần Minh C, sinh năm 1993; địa chỉ: Tô 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Trịnh Tấn B, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng H là thợ sửa gầm máy của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H. Trong thời gian làm việc tại đây, vào khoảng thời gian từ giữa tháng 7 đến ngày 16/10/2017, H đã thực hiện 04 vụ trộm cắp lốp xe ô tô tại kho của Công ty H ở hẻm số 36 đường N, Tổ 13, phường D, thành phố P, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ (không xác định ngày) tháng 7/2017, có một khách hàng nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe ô tô loại 04 chỗ ngồi (chưa rõ biển số) đến kiểm tra xe. H kiểm tra thì thấy lốp xe bị mòn, nên H nói: “Lốp mòn rồi, anh thay đi”, người này nói: “Em biết chỗ nào bán lốp xe ô tô rẻ không chỉ cho anh thay”, H nói: “Em có 04 chiếc lốp xe ô tô loại này bán 1.800.000 đồng, anh có mua không?”, thì người này đồng ý mua. H đi vào phòng dịch vụ của Công ty H lấy chìa khóa kho đang để trong ngăn bàn làm việc của chị Phan Thị H. H lấy chìa khóa rồi điều khiển xe mô tô của nhân viên thực tập tại Công ty (không rõ nhân thân, lai lịch và không rõ biển số) dẫn người khách này đến kho của Công ty H. Khi đến đầu hẻm 36 đường N, H nói người khách đợi trên xe ô tô, còn H điều khiển xe mô tô đi vào kho, dùng chìa khóa mở cửa rồi vào lấy 04 chiếc lốp xe ô tô hiệu Michelin, kích cỡ 185/65 R14 chở ra bỏ lên xe ô tô. Sau khi xem lốp, người khách này đưa cho H 1.800.000 đồng, rồi điều khiển xe ô tô chở 04 chiếc lốp đi, còn H quay về Công ty H trả chìa khóa và làm việc. Số tiền 1.800.000 đồng này, H đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá, kết luận: 04 chiếc lốp xe ô tô kích cỡ 185/65 R14 có giá trị 6.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ (không xác định ngày) cũng trong tháng 7/2017, có một người khách nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe ô tô loại 04 chỗ ngồi (chưa rõ biển số) đến kiểm tra xe. Khi đang kiểm tra xe, người khách này nói với H đang có dự định thay lốp xe nhưng vì vợ mới sinh con và mới mua chiếc xe này để chạy taxi nên chưa có tiền. Nghe vậy, H nói: “Em có 04 chiếc lốp xe còn khoảng 80-90%, em cho anh không lấy tiền”. Sau đó, H vào phòng dịch vụ Công ty H, lấy chìa khóa đang để trong ngăn bàn làm việc của chị Phan Thị H, rồi lên xe ô tô của người khách và chỉ đường để người này chở H đến kho của Công ty H. Tại đây, H dùng chìa khóa mở cửa, rồi vào lấy 04 chiếc lốp xe ô tô kích cỡ 600-14, lăn ra ngoài để người khách bỏ lên xe ô tô. Sau đó, người này chở H quay về Công ty H và đưa cho H 400.000 đồng, rồi chở 04 chiếc lốp đi. Số tiền 400.000 đồng này, H đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá, kết luận: 04 chiếc lốp xe ô tô kích cỡ 600-14 có giá trị là 7.320.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 15 giờ (không xác định ngày) cũng trong tháng 7/2017, H vào phòng dịch vụ của Công ty H lấy chìa khóa kho đang để trong ngăn bàn làm việc của chị Phan Thị H. Sau đó, H điều khiển xe ô tô bán tải (chưa rõ biển số) của khách đang sửa tại Công ty H đi đến tiệm rửa xe ô tô P tại số 44-46 đường N, Tổ 13, phường D, thành phố P, gặp H (sinh năm 1979, trú tại Tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Tại đây, H hỏi P: “Anh có mua lốp xe ô tô không?”, P nói: “Mua nhưng phải chờ lốp đến xem”. Sau đó, H điều khiển xe ô tô đến kho của Công ty mở khóa cửa lấy trộm 03 chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu Hankook, kích cỡ 195/55R16 bỏ lên thùng xe ô tô, rồi chở đến tiệm cho P xem. P hỏi H: “Lốp này ở đâu mà bán?”, H nói: “Lốp này của thằng bạn, công ty nói nó thay mà nó không thay, nhờ em bán”. H nói với P bán 03 chiếc lốp này với giá 3.000.000 đồng. Do thấy lốp đã hết hạn sử dụng nên P chỉ đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng, H đồng ý và lấy 1.500.000 đồng, rồi điều khiển xe ô tô quay về Công ty H làm việc. Số tiền này, H đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua 03 chiếc lốp xe ô tô này của H, P để tại tiệm rửa xe để bán cho khách nhưng chưa bán được. Đến ngày 23/10/2017, P giao nộp 03 chiếc lốp này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P. Qua định giá, kết luận: 03 chiếc lốp xe ô tô kích cỡ 195/55R16 có giá trị là 6.300.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả 03 chiếc lốp này cho Công ty H.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 09 giờ ngày 16/10/2017, H đến gặp chị Phan Thị H là kế toán của Công ty Hưng N và hỏi mượn chìa khóa kho để lấy tấm ván về làm giá treo đồ phun sơn. Nghe vậy, chị H lấy chìa khóa của kho đưa cho H. H đến mở cửa kho lấy tấm ván xong, nhưng khi về Công ty, H không trả chìa khóa cho chị H mà cất giữ luôn. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H nảy sinh ý định đến kho của Công ty Hưng N lấy trộm lốp xe ô tô bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-086.51 đến tiệm rửa xe ô tô P gặp anh Hồ Ngọc P (là chủ tiệm). Khi gặp P, H nói: “Em có một số lốp ô tô trong đây, anh vô xem có được không thì mua”, P đồng ý và đi theo H đến kho của Công ty H. Tại đây, H mở cửa kho dẫn P vào xem đồng lốp xe ô tô đang để dưới đất. H nói: “Đồng lốp xe ô tô này 6.000.000 đồng được không”, thì P hỏi H: “Số lốp này sao bán”, H trả lời: “Số lốp này anh ở Công ty không làm nữa nhờ em thanh lý bán”. P đồng ý mua

nên đi về tiệm rửa xe để lấy xe ô tô bán tải biển số 81C-062-92 của anh Trần Quang V đang gửi tại đây, rồi chở Trần Minh C là nhân viên của P cùng đi với H đến kho. Đến nơi, P và H vào kho lấy 21 chiếc lốp ô tô các loại đưa lên xe ô tô, rồi Cảnh xếp vào thùng xe. Lúc này, P thấy còn 04 chiếc lốp xe ô tô khác đang còn mới nên P nói: “Còn 04 chiếc lốp này thì sao?”, H nói: “04 chiếc này không bán”. Sau khi xếp toàn bộ 21 chiếc lốp lên xe ô tô biển số 81C-062-92 thì P đưa cho H 6.000.000 đồng, rồi P chở số lốp trên về tiệm rửa xe của P. Sau khi bán lốp cho anh P xong, H khóa cửa kho lại và mang chìa khóa kho về trả lại cho chị H. Đến khoảng 14 giờ ngày 18/10/2017, chị Nguyễn Đắc Thùy D đến kho kiểm tra thì phát hiện bị mất lốp ô tô các loại nên đã trình báo Công an thành phố P. Cùng ngày, Trần Hoàng H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, đồng thời giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell loại bàn phím. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thu giữ của Hồ Đức P 21 chiếc lốp các loại mà Trần Hoàng H đã chiếm đoạt của Công ty H rồi bán cho P. Qua định giá, xác định: 21 chiếc lốp các loại có tổng giá trị là 51.850.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả 21 chiếc lốp này cho Công ty H.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81B1-086.51, qua điều tra xác định: Chủ sở hữu của chiếc xe này là chị Trần Thị N là chị gái của vợ H, chị N đã cho H mượn xe để đi làm. Việc H sử dụng chiếc xe này để đi thực hiện hành vi phạm tội thì chị N không biết, nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với chiếc xe ô tô biển số 81C-062.92, qua điều tra xác định: Chủ sở hữu của chiếc xe này là anh Trần Quang V gửi tại tiệm rửa xe P. Việc P sử dụng chiếc xe này để chở 21 chiếc lốp do H trộm cắp rồi bán cho P thì anh V không biết, nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell loại bàn phím, màu đen thu giữ của H là tài sản của H, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 34/CTr-VKS ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Trần Hoàng H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Trần Hoàng H từ 30 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2017.

Qua định giá tài sản, tại bản Kết luận số 244/KL-HĐĐG ngày 25/10/2017 và Kết luận số 244/KL-HĐĐG ngày 25/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 77.010.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P nói trên.

- Ý kiến của người bị hại Công ty H: Công ty H đã nhận 16.000.000đ tiền bồi thường từ gia đình bị cáo, và Công ty không có yêu cầu gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

- Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Trần Thị X: Qua tác động của bị cáo H nên chị đã bồi thường cho Công ty H số tiền 16.000.000 đồng. Hiện chị không có ý kiến và yêu cầu gì,

+ Anh Hồ Ngọc P: yêu cầu bị cáo Huân phải bồi thường 7.500.000 đồng tiền anh đã bỏ ra mua tài sản của Huân, hiện tài sản trên đã trả lại cho Công ty H.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, xin lỗi người bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Hoàng H lợi dụng sơ hở trong việc quản lý kho hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đã thực hiện 04 vụ trộm cắp, tài sản chiếm đoạt gồm 32 chiếc lốp xe ô tô các loại của Công ty H. Tổng giá trị tài sản H đã chiếm đoạt là 77.010.000 đồng nên hành vi của các bị cáo thuộc đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]Tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 hướng dẫn: “Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”. Do vậy, cần xem xét, áp

dụng mức hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để áp dụng đối với bị cáo.

[4] Tài sản và quyền sở hữu hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đến tài sản của người khác đều phải bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật để không chỉ răn đe mà còn phòng ngừa chung đối với tội phạm.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, chỉ trong một thời gian ngắn đã liên tiếp thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật và thuộc tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy cần quyết định cho bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[6] Tuy nhiên xét các bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú và đã tự thú các lần phạm tội trước đó, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, và người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo quyết định hình phạt.

[7] Về dân sự: Bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Ngọc P yêu cầu bồi thường số tiền là 7.500.000 đồng, bị cáo H cũng đồng ý, cần buộc bị cáo bồi thường cho anh P khoản tiền này.

[8] Về lãi suất chậm trả do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định của pháp luật.

[9] Xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell loại bàn phím, màu đen (cũ, chỉ cục không kiểm tra máy móc bên trong) là tài sản của bị cáo H không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo H.

[10] Đối với chiếc xe mô tô biển số 81B1-086.51, chủ sở hữu của chiếc xe này là chị Trần Thị N, chị N đã cho H mượn xe để đi làm. Việc H sử dụng chiếc xe này để đi thực hiện hành vi phạm tội thì chị N không biết, nên Cơ quan điều tra không thu giữ xe là đúng.

[11] Đối với chiếc xe ô tô biển số 81C-062.92, chủ sở hữu của chiếc xe này là anh Trần Quang V gửi tại tiệm rửa xe P. Việc P sử dụng chiếc xe này để chở 21 chiếc lốp do H trộm cắp rồi bán cho P thì anh V không biết, nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

[12] Đối với Hồ Ngọc P, qua điều tra xác định: Việc P mua 24 chiếc lốp xe ô tô của H thì P không biết số lốp này do H trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý P về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[13] Đối với Trần Minh C, qua điều tra xác định: Việc C giúp P bốc vác và xếp 21 chiếc lốp xe ô tô thì C không biết số lốp này do Huấn trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý đối với C.

[14]Đối với hai người đã mua lốp xe ô tô do H trộm cắp mà có ở vụ thứ nhất và vụ thứ hai, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của hai người này, nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý sau.

[15]Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng H 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2017.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Hồ Ngọc P số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho Trần Hoàng H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobell loại bàn phím, màu đen (cũ, chỉ cục không kiểm tra máy móc bên trong).

(Đặc điểm của các vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku).

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Hoàng H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người liên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân

Tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- UBND phường D;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Hương